

Bản án số: 28/2021/HS-PT

Ngày 31 - 3 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Ông Phạm Quang Hùng

Bà Phạm Thị Thuý Mai

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Thuý Dương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:
Bà Bùi Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 111/2020/TLPT - HS ngày 02 tháng 10 năm 2020, đối với bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2020/HSST ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Văn T, sinh ngày 03 tháng 11 năm 1991 tại xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị B, có vợ là Tạ Thị I và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; hiện tại ngoại tại địa phương “có mặt”.

Bị hại có kháng cáo: Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại N.

Địa chỉ: Xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Văn A, sinh năm 1987 – Chức vụ: Giám đốc Công ty.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Phan Thành T1 – Luật sư Công ty Luật TNHH V và Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Số nhà **, ** đường H, phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”

Người làm chứng:

Anh Tạ Văn D, sinh năm 1983; nơi cư trú: thôn G, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T là công nhân tại xưởng máy của Công ty TNHH Thương mại N từ năm 2014. Sáng ngày 07/5/2019, T cùng anh Bùi Trung H đến xưởng làm việc. Do biết anh Lê Văn A - Giám đốc Công ty cùng anh Lê Văn S quản lý xưởng đã ra ngoài giải quyết công việc nên T đã trộm cắp máy mô tơ giảm tốc trong xưởng bán lấy tiền sử dụng cho mục đích cá nhân. Cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng hơn 09 giờ ngày 07/5/2019, T quan sát thấy anh Bùi Trung H đang tập trung làm việc bên ngoài xưởng, T ngắt điện Camera an ninh rồi điều khiển cầu trục móc 15 chiếc mô tơ (gồm 11 chiếc công suất 0,75kw, 04 chiếc công suất 0,4kw) ở đồng mô tơ phía bên trái xưởng đúc vào trong 01 bao tải sắc rằn có sẵn tại đó. Sau khi đúc xong, T cắm lại điện Camera an ninh rồi tiếp tục làm việc. Khoảng hơn 10 giờ cùng ngày, biết anh S đang trên đường sang Trung Quốc, T sử dụng số điện thoại “*****” gọi cho anh trai là Nguyễn Văn G hỏi “Ở bãi có xe không?”, G trả lời: “Xe để làm gì?” T nói: “Có xe chạy ra chỗ em làm chở cho ít hàng để trưa về gửi cho khách”, G đáp: “Để sang hỏi ông Lê xem có không đã”. Sau đó, G điều khiển xe mô tô đến nhà bố vợ là Dương Văn L hỏi mượn chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu Huyndai màu xanh, biển kiểm soát 88C - *****. Khi mượn được xe, G điện thoại cho T hỏi chở hàng ở đâu thì T chỉ dẫn đến đợi tại cổng chợ Lác thuộc thôn G, xã L. Cùng lúc này, T bảo anh H đến 01 xưởng khác của Công ty lấy axit mang về làm cho khách. Khi anh H ra khỏi xưởng T rút nguồn điện Camera an ninh rồi điện thoại bảo G lái xe đến trước cửa xưởng. T điều khiển cầu trục tự vận hành cầu bao tải sắc rằn chứa 15 chiếc máy mô tơ vừa trộm cắp được lên thùng xe tải rồi bảo G: “Mang về xuống sân cho em để trưa mang đi gửi cho khách”. Khi G lái xe đi, T cắm lại điện Camera an ninh và tiếp tục làm việc đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày thì về nhà.

Tại nhà mình, T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen, bên trong lắp sim số khuyến mãi không đăng ký chính chủ (mua từ năm 2018) liên lạc với một người đàn ông tên là H1 ở thành phố Hà Nội (T không xác định nhân thân, lai lịch cụ thể) thỏa thuận bán 15 chiếc mô tơ này với giá 13.800.000 đồng. H1 trả trước 9.000.000 đồng còn nợ lại 4.800.000 đồng và hẹn hôm sau sẽ trả hết. Thỏa thuận xong, T đúc 15 chiếc mô tơ vào trong 03 bao tải sắc rằn màu

trắng rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu không rõ biển kiểm soát chở số mô tô trên đến khu vực cây xăng Đ thuộc thôn H1, xã Đ, huyện Y. Tại đây, T gửi số hàng này cho 01 xe khách màu xám loại 29 chỗ (không rõ biển kiểm soát) xuống bến xe Mỹ Đình thành phố Hà Nội giao cho H1. Sau đó T đến xưởng của anh A cùng anh H làm việc bình thường. Buổi chiều do biết xưởng không có người quản lý, T tiếp tục ngắt nguồn điện Camera an ninh rồi dùng cầu trục tự vận hành cầu đúc 19 chiếc mô tô (gồm 11 chiếc công suất 0,75kw; 07 chiếc công suất 0,4kw; 01 chiếc công suất 1,5kw) từ đồng mô tô bên trái xưởng vào 01 bao tải sắc rằn màu trắng có sẵn tại đó. T đặt bao tải bên trong có chứa số mô tô này lên đồng mô tô phía bên phải theo hướng từ ngoài nhìn vào để hôm sau có cơ hội thuận lợi sẽ tiếp tục trộm cắp. Sau đó, T cắm lại điện Camera an ninh và dọn dẹp xưởng rồi ra về. Khoảng 19h cùng ngày, T được nhà xe đã gửi hàng lúc trước liên lạc để nhận số tiền 9.000.000 đồng do H1 gửi trả. T cầm số tiền này về cất trong tủ quần áo tại phòng ngủ của mình rồi mang bao tải sắc rằn đựng số mô tô trộm cắp được vớt tại bãi rác thuộc thôn N1, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Lần 2: Khoảng 07 giờ ngày 08/5/2019, T đến xưởng làm việc thì biết anh A, anh S vẫn chưa về chỉ có ông Lê Văn Q là bố đẻ anh A ở nhà nhưng thường đến trông coi xưởng muôn. Tại kho xưởng thời điểm này chỉ có 02 công nhân là anh Nguyễn Văn T2 và anh Bùi Trung H nên T nảy sinh ý định trộm cắp số mô tô đã đúc sẵn trong bao tải từ chiều ngày 07/5/2019. T bảo anh H đi đổ xăng và anh T2 đi xuống xưởng dưới của Công ty để tìm máy về sửa giao cho khách. Khi mọi người đi ra khỏi xưởng, T sử dụng số điện thoại “*****” gọi cho Nguyễn Văn G nhờ đến chở máy về nhà để chiều đi gửi cho khách rồi rút điện Camera an ninh. Khi G điều khiển xe ô tô Biển kiểm soát 88C - ***** đến trước cửa xưởng, T dùng cầu trục vận hành cầu bao tải đựng máy mô tô lên xe để G chở về nhà. Sau đó T tiếp tục làm việc tại xưởng đến khoảng 12 giờ thì bị ông Lê Văn Q phát hiện và trình báo Cơ quan Công an đề nghị giải quyết.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã khám nghiệm hiện trường, điều tra và xác minh làm rõ Nguyễn Văn T là đối tượng đã trộm cắp mô tô của Công ty TNHH Thương mại N. Cơ quan điều tra đã tạm giữ của T 19 chiếc mô tô, 01 bao tải sắc rằn đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, 01 giá để hàng và số tiền 9.000.000 đồng; của G 01 con dao chuôi gỗ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X; của ông Dương Văn L 01 xe ô tô tải nhãn hiệu Huyndai, Biển kiểm soát: 88C - *****; của anh A 01 USB màu trắng chứa 02 tập tin video; của ông Lê Văn Q 01 đầu thu nhãn hiệu DAHUA để điều tra, xử lý theo luật định.

Tại kết luận định giá số 24/2019/KLGD và số 25/2019/KLDG ngày 16/5/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Y kết luận: 15 chiếc mô tô T trộm cắp ngày 07/5/2019 có giá trị là 23.450.000 đồng; 19 chiếc mô tô T trộm cắp

ngày 08/5/2019 có giá trị là: 29.800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là: 53.250.000 đồng (Năm mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Đối với 02 bao tải sắc rằn màu trắng, T dùng đựng số mô tơ trộm cắp, do đã cũ, không còn giá trị, anh A không yêu cầu, đề nghị gì nên Cơ quan điều tra không tiến hành trưng cầu việc định giá.

Ngày 12/7/2019 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã trả lại 01 xe ô tô Biển kiểm soát 88C - ***** cho ông Dương Văn L. Ngày 18/02/2020 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã trả lại cho ông Q 01 đầu thu nhãn hiệu DAHUA.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2020/HSST ngày 29 tháng 7 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Y đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020, Công ty TNHH thương mại N kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án tỉnh Vĩnh Phúc xem xét huỷ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Y với lý do Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không khách quan, bỏ lọt tội phạm.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa đã phát biểu quan điểm, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo; không chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc huỷ bản án sơ thẩm. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2020/HSST ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo và bị hại làm trong hạn luật định, hợp lệ được xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được cơ quan

điều tra thu thập khách quan, hợp pháp. Từ đó có đủ cơ sở để xác định: Nguyễn Văn T là công nhân xưởng máy của Công ty TNHH thương mại N, lợi dụng sơ hở trong quản lý xưởng, T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Công ty TNHH thương mại N 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Khoảng hơn 09 giờ ngày 07/5/2019, T trộm cắp 15 chiếc mô tô gồm: 11 chiếc công suất 0,75kw, 04 chiếc công suất 0,4kw có trị giá 23.450.000 đồng.

Lần 2: Khoảng 07 giờ ngày 08/5/2019, T trộm cắp 19 chiếc mô tô, gồm 13 chiếc loại công suất 0,7 kw; 05 chiếc công suất 0,4 kw và 01 chiếc công suất 1,5 kw có trị giá 29.800.000 đồng.

Tổng tài sản T trộm cắp ngày 07/5/2019 và ngày 08/5/2019 của Công ty TNHH N có trị giá là 53.250.000 đồng (Năm mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, phải xử lý bị cáo nghiêm minh trước pháp luật mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến giá trị tài sản mà bị cáo đã trộm cắp, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo 02 năm tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ nào khác, do đó kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo không được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[4.1] Xét kháng cáo đề nghị huỷ bản án sơ thẩm của người đại diện hợp pháp của bị hại Công ty TNHH thương mại N với lý do bản án sơ thẩm xét xử không khách quan, bỏ lọt tội phạm đối với Nguyễn Văn G, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa bị cáo và anh Nguyễn Văn G không có sự bàn bạc hay hứa hẹn gì trước, khi bị cáo điện nhờ anh G mượn xe chở hàng thì bị cáo chỉ nói với anh G là đem hàng cho khách (theo lời khai của bị cáo và sự thừa nhận của đại diện hợp pháp của Công ty TNHH thương mại N thì thực tế trước đó bị cáo thi thoảng được chủ xưởng giao đi đưa hàng là máy mô tô cho khách), anh G không buộc phải biết đó là tài sản trộm cắp vì chở hàng tại xưởng, vào giờ bị cáo đang làm việc ban ngày, tài sản là loại hàng hóa mà bị cáo thường giao cho khách, bị cáo cũng không hứa hẹn chia tiền cho anh G... Do đó, cấp sơ thẩm không truy tố đối với Nguyễn Văn G là có cơ sở.

Đối với số lượng tài sản trộm cắp, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cho rằng Công ty TNHH thương mại N mất số lượng mô tơ phải từ 60 – 70 chiếc mô tơ chứ không phải 34 chiếc, do đó cấp sơ thẩm chưa xét xử khách quan, ảnh hưởng đến quyền lợi của công ty. Tuy nhiên, qua các tài liệu, lời khai, và thực tế biên bản thu giữ mô tơ ngày 08/5/2020 đều phù hợp với lời khai của bị cáo, không có cơ sở xác định số lượng mô tơ như bị hại trình bày. Tại quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị hại đều trình bày không cung cấp được tài liệu chứng minh số lượng, đặc điểm tài sản bị mất, đồng thời cũng không cung cấp được hóa đơn, chứng từ nhập hàng và xuất hàng của Công ty để xác định số mô tơ như anh dự đoán bị mất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày hình ảnh thực nghiệm điều tra khác so với hình ảnh mà bị hại có được từ gia đình ông Thuật về việc xác định hình ảnh của bao tải chứa số lượng hàng hóa mà bị cáo trộm cắp của bị hại, tuy nhiên bị hại cũng không xuất trình được hình ảnh là bản gốc. Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với gia đình ông Thuật nA ông Thuật xác nhận: Mất Camera giám sát của gia đình ông hướng về Công ty TNHH thương mại N đã bị hỏng, từ lâu không lưu được dữ liệu video, tại hệ thống lưu giữ không có hình ảnh, ông Thuật từ chối làm việc với cơ quan điều tra (Bút lục 228). Đồng thời, quá trình điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của bị hại cho rằng nguồn gốc đoạn video do ông cung cấp cho cơ quan điều tra để xác định hình ảnh bao tải chứa hàng trộm cắp của bị hại trên thùng xe ô tô tải để xác định khác với hình ảnh thực nghiệm là do anh Thoại (con trai ông Thuật) gửi cho ông. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc ngày 07/6/2019 anh Nguyễn Thế Thoại là con trai ông Thuật trình bày: Bản thân anh không cung cấp bất kỳ video, tài liệu nào liên quan đến vụ trộm cắp tài sản (Bút lục 230), do đó hình ảnh do đại diện bị hại giao nộp và trình bày không được chấp nhận là tài liệu chứng cứ theo quy định tại Điều 87, 99 và 107 Bộ luật Tố tụng hình sự. Hơn nữa, theo như bản ảnh giám định từ đầu thu kỹ thuật số của Công ty TNHH thương mại N tại kho xưởng, xác định thời gian hai lần T ngắt Camera an ninh để thực hiện hành vi tời và đúc mô tơ vào bao tải diễn ra từ 3- 4 phút, với khoảng thời gian này không đủ để thực hiện tời và đúc 60 – 70 chiếc mô tơ như bị hại trình bày. Vì vậy, kháng cáo của người bị hại không có cơ sở chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự:
Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và kháng cáo của bị hại Công ty TNHH thương mại N. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2020/HSST ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Y;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc
- Công an huyện Y;
- TAND huyện Y;
- THADS huyện Y;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS; Tòa HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thu Hà